

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 01 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân;

2. Bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với:

Bị cáo Phạm Thị L sinh ngày 10/6/1972; nơi sinh: Xã Quỳnh Hải, huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh nhà nghỉ; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn M (đã chết) và bà: Nguyễn Thị B sinh năm 1944; chồng: Không có; con: Có 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được thay đổi biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (*triệu tập có mặt tại phiên tòa*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phàn Thị Đ sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn R, thị trấn YB, huyện QB, tỉnh Hà Giang;

- Anh Đỗ Văn T sinh năm 1969; địa chỉ: KV, thị trấn HN, huyện HH, tỉnh Thái Bình;

- Anh Nguyễn Văn T1 sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn BM, xã QX, huyện P, tỉnh Thái Bình;

- Anh Đào Thanh Gi sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn An Phú 2, xã Quỳnh Hải, huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người chứng kiến: Chị Lý Thị Ph sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn NT, xã MQ, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang.

(Tại phiên tòa có mặt anh T1; vắng mặt: chị Đ, anh T, anh Gi và chị Ph).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 14/11/2018, Đội 2 – Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình bắt quả tang tại phòng số 201 nhà nghỉ ĐD 2, ở thôn L, xã AQ, huyện P do Phạm Thị L quản lý, 01 đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm. Gái bán dâm là Phan Thị Đ, người mua dâm là Đỗ Văn T. Vật chứng thu giữ: 01 bao cao su T đã sử dụng để quan hệ tình dục; quản lý của Đ số tiền 400.000 đồng (04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) là tiền của T trả cho Đ để mua dâm, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3; quản lý của L 01 chiếc điện thoại di động nhà hiệu Nokia 1280.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Nhà nghỉ ĐD 2 ở thôn L, xã AQ, huyện P, được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cá thể từ ngày 17/12/2008, với ngành nghề kinh doanh là dịch vụ cầm đồ, nhà nghỉ, đứng tên chủ hộ là anh Nguyễn Văn T1. Ngày 20/6/2018, do có quan hệ tình cảm nên Phạm Thị L và Đào Thanh Gi đã cùng nhau thỏa thuận (miệng) với anh T1 thuê lại nhà nghỉ ĐD 2 để kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, thời gian 02 năm với số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Anh T1 đồng ý. Để thuận lợi cho việc kinh doanh, anh Gi, L và anh T1 có ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản có nội dung: L và anh Gi là nhân viên của nhà nghỉ, nhiệm vụ là trực tiếp kinh doanh, thu chi, quản lý nhà nghỉ, theo giấy phép kinh doanh, thời hạn 02 năm kể từ ngày 22/6/2018. Ngày 25/6/2018, anh T1 đã bàn giao nhà nghỉ ĐD 2 cho L và anh Gi quản lý kinh doanh. Tuy nhiên, sau khi thuê nhà nghỉ, vì lý do công việc riêng anh Gi đã không trực tiếp quản lý mà giao lại cho L quyền quản lý, kinh doanh.

Trong thời gian từ ngày 09 đến ngày 14/11/2018, Phan Thị Đ và Lý Thị Ph sinh năm 1989 trú tại Thôn NT, xã MQ, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang lần lượt tìm đến gặp, xin L vào nhà nghỉ bán dâm. L đồng ý cho Đ, Ph được ăn, ở, sinh hoạt tại nhà nghỉ và thỏa thuận khi có khách đến mua dâm thì L là người đứng ra giao dịch và hướng dẫn khách lên phòng của Đ, Ph để mua bán dâm. Đ Ph trực tiếp thu tiền của khách với số tiền cho mỗi lần bán dâm là: Đ 400.000 đồng/lần bán dâm, Ph 300.000 đồng/lần bán dâm, sau khi bán dâm xong phải chia lại cho L một nửa số tiền này, việc bán dâm chỉ được thực hiện tại nhà nghỉ với sự đồng ý của L. Nội dung thỏa thuận giữa L với Đ và Ph, L không thông

báo, bàn bạc cho anh T1 và anh Gi biết. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/11/2018, L đang ngồi ăn cơm với Ph tại tầng 1 của nhà nghỉ thì thấy Đỗ Văn T đi vào. L đi ra quầy lễ tân nhà nghỉ đứng. Gặp L, T hỏi “*có nhân viên không*”. Hiểu ý của T là nhà nghỉ có gái bán dâm không nên L đáp “*có*”. T hỏi tiếp “*giá bao nhiêu*”, L đáp “*400.000 đồng/lượt*”. T đồng ý, L nói “*trên phòng 201 có nhân viên đợi sẵn, lên ung thì đi*”. Thấy T rút tiền L nói tiếp “*tỷ nữa anh trả cho gái bán dâm*”. Sau đó T đi lên phòng 201 nhà nghỉ thì gặp Phan Thị Đ và hỏi “*vé bao nhiêu*”. Hiểu ý của T hỏi giá một lần bán dâm là bao nhiêu tiền nên Đ đáp “*vé 400.000 đồng*”. T đồng ý lấy 400.000 đồng (04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) đưa cho Đ để trả tiền mua dâm. Nhận tiền, Đ lấy một chiếc bao cao su có sẵn trong phòng đeo vào dương vật của T rồi cùng nhau quan hệ tình dục đến khoảng 11 giờ 45 phút thì bị tổ công tác Đội 2 – Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang, thu giữ, quản lý vật chứng.

Tại phiên tòa bị cáo còn khai: Sau khi thuê được nhà nghỉ một mình bị cáo là người đứng trực tiếp quản lý, kinh doanh tại nhà nghỉ, anh T1 và anh Gi không biết tại nhà nghỉ có gái bán dâm. Bị cáo là người đứng ra lo chỗ ăn, ở sinh hoạt cho gái bán dâm (tại nhà nghỉ), bị cáo chỉ cho gái bán dâm bán dâm tại nhà nghỉ và được sự đồng ý của bị cáo, gái bán dâm là người trực tiếp thu tiền, giá bán dâm tùy vào từng gái bán dâm, sau khi bán dâm phải chia trả cho bị cáo một nửa tiền. Sự thỏa thuận giữa bị cáo và các gái bán dâm anh T1 và anh Gi không biết. Tính đến ngày 14/11/2018 Đ bán dâm tại nhà nghỉ 01 lần thì bị bắt, còn Ph mới đến nên chưa bán dâm tại nhà nghỉ lần nào.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 khai: Sau khi ký hợp đồng cho bị cáo và anh Gi thuê nhà nghỉ ĐD 2 thời hạn 02 năm, giá 160.000.000 đồng, anh đã giao lại nhà nghỉ cho bị cáo và anh Gi để quản lý, kinh doanh, anh không biết việc thỏa thuận giữa bị cáo với Phan Thị Đ và Lý Thị Ph để cho Đ và Ph bán dâm ở nhà nghỉ.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKSQP ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Thị L về tội “*Chứa mại dâm*” theo Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Thị L về tội “*Chứa mại dâm*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Chứa mại dâm*”; Về hình phạt: áp dụng Khoản 1 Điều 327, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm; Về hình phạt bổ sung: áp dụng Khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật

Tổ tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh T1) không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, lối sống, thuần phong mỹ tục, trật tự quản lý công cộng của Nhà nước. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/11/2018 tại nhà nghỉ ĐD 2 ở thôn L, xã AQ, huyện P, tỉnh Thái Bình, Phạm Thị L đã có hành vi trực tiếp giao dịch và dùng phòng 201 của nhà nghỉ thuộc quyền quản lý của mình để Phan Thị Đ thực hiện hành vi bán dâm cho Đỗ Văn T, nhằm mục đích thu lợi bất chính, đến khoảng 11 giờ 45 phút thì bị Công an tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Chứa mại dâm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

“Điều 327.Tội chứa mại dâm

1.Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo phạm tội “*Chứa mại dâm*” theo Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn mại dâm là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, làm suy thoái đạo đức, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, là một trong những nguyên nhân lây lan bệnh xã hội trong đó có HIV/AIDS, bị cáo nhận thức được điều đó nhưng vì mục đích kinh tế của bản thân nên bị cáo đã phạm tội. Việc xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết, đồng thời lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định, rõ ràng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, hơn nữa bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo (Ung thư cổ tử cung) được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, lại nuôi con đang trong độ tuổi ăn học, vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương để bị cáo yên tâm chữa bệnh và nuôi con như mức án mà Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 327 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, tuy nhiên do bị cáo bị bệnh hiểm nghèo đang phải điều trị và thăm khám thường xuyên, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Nhà nước phải trợ cấp hàng tháng với mức 405.000 đồng/tháng, ngoài ra bị cáo một mình nuôi con đang trong độ tuổi ăn học nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động đã thu giữ của Phan Thị Đ và Phạm Thị L, xác định không L quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra quyết định trả lại cho L và Đ; Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy; đối với số tiền

400.000 đồng thu giữ của Đ, đây là số tiền do Đ bán dâm cho T mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn T1 là người đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh và anh Đào Thanh Gi là người cùng với bị cáo thuê lại nhà nghỉ ĐD 2 của anh T1 để kinh doanh. Do anh T1 và anh Gi không biết việc quản lý, kinh doanh của bị cáo, bị cáo cũng không thông báo cho anh T1 và anh Gi biết việc thỏa thuận giữa bị cáo với Phan Thị Đ và Lý Thị Ph về việc để cho Đ và Ph bán dâm ở nhà nghỉ cho khách nên không có căn cứ xác định anh T1 và anh Gi là đồng phạm với bị cáo về hành vi chứa mại dâm.

[10] Đối với Phan Thị Đ và Đỗ Văn T là những người đã có hành vi mua bán dâm bị bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Chị Lý Thị Ph do mới đến chưa thực hiện việc bán dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 327, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thị L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2018 đến ngày 20/11/2018*).

Giao bị cáo cho UBND xã Quỳnh Hải, huyện P, tỉnh Thái Bình Gi sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

3.Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng;
- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng)

(Cụ thể như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/3/2019 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ)

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã QH, h.Quỳnh Phụ;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)